

Số: 05/QĐ-MNTT

Toàn Thắng, ngày 05 tháng 2 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện ngân sách nhà nước năm 2024

Công khai 6 tháng cuối năm 2024 các khoản thu chi năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TOÀN THẮNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về giao dự toán ngân sách năm 2025

Xét đề nghị của đồng chí kế toán Trường Mầm non Toàn Thắng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai nội dung sau:

1. Công khai thực hiện ngân sách 2024 ;
2. Công bố công khai 6 tháng cuối năm 2024 các khoản thu chi học kỳ I năm học 2024-2025;

Điều 2. Các ông (bà) cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Toàn Thắng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT



Số: 06/BB-TrMN

Toàn Thắng, ngày 05 tháng 02 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

Thời gian: Hôm nay vào lúc 9h00 ngày 05/02/2025

Địa điểm: Tại hội trường trường trường Mầm non Toàn Thắng

Thành phần tham dự:

Bà Đào Thị Thoáng - Hiệu trưởng – Trưởng ban.

Bà Trần Thị Hương - Phó hiệu trưởng- Phó ban - Chủ tịch CĐ

Bà Nghiêm Thị Thuý - Phó hiệu trưởng - Phó ban.

Bà Trịnh Thị Nguyệt Ánh - Giáo viên - Trưởng ban thanh tra nhân dân

Bà Trịnh Thị Tân- Giáo viên - Tổ trưởng tổ 5 tuổi (người niêm yết)

Bà Lương Ngọc Ánh - Giáo viên - Tổ trưởng tổ 3-4 tuổi (Thư ký)

Bà Lê Thị Màu - Kế toán

NỘI DUNG

Trường Mầm non Toàn Thắng đã tiến hành niêm yết công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nội dung niêm yết:

Công khai thực hiện ngân sách năm 2024;

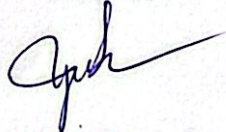
Công bố công khai 6 tháng cuối năm 2024 các khoản thu chi học kỳ I năm học 2024-2025;

Thời gian niêm yết từ ngày 05/02/2025.

Địa điểm: Trên trang website của trường.

Biên bản được thông qua 10/10 đạt 100% thành viên nhất trí với nội dung biên bản trên. Cuộc họp kết thúc vào hồi 10h10 cùng ngày./.

THƯ KÝ



Lương Ngọc Ánh



Đào Thị Thoáng

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN

.....
Trần Thị Nguyệt Anh..... Trần Thị Hương..... Nguyễn Thị Thuý

.....
Nguyễn Thị Liên.....
.....
.....
.....
.....

Số: 07/TT-TrMN

Toàn Thắng, ngày 05 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ biên bản niêm yết công khai số 06/BB-TrMN ngày 05/02/2025 về việc niêm yết công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

Trường mầm non Toàn Thắng thông báo niêm yết công khai với nội dung sau:

Công khai thực hiện ngân sách 2024;

Công bố công khai 6 tháng cuối năm 2024 các khoản thu chi học kỳ I năm học 2024-2025;

Thời gian niêm yết từ ngày 05/02/2025.

Địa điểm: Trên trang website của trường.

Nay trường mầm non Toàn Thắng xin thông báo để toàn thể phụ huynh học sinh và cán bộ, giáo viên nhân viên nhà trường được biết./.

Nơi nhận:

- Bảng tin nhà trường;
- Lưu VT;
- Lưu HS CM.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Thoáng

QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ – MNTT ngày 05/ 02 /2025 của Trường Mầm non Toàn Thắng)

DVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	QUYẾT TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	71.014.000	71.014.000	0	
1.2	Mức thu:			0	
	Trong đó: - Nhà trẻ:	92.000	92.000		Không thu thực hiện miễn giảm theo ND 54,81 của TPHP và CP
	- Mẫu giáo:	85.000	85.000		
1.3	Tổng số thu trong năm	46.837.625	46.837.625	0	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	46.837.625	46.837.625	0	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	46.837.625	46.837.625	0	
1.6	Số chi trong năm	00	00	0	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	00	00	0	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	00	00	0	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	8.426.200	8.426.200	0	
	- Chi khác	0	0	0	
1.7	Số dư cuối năm	109.425.425	109.425.425	0	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)				
2.1	Tiền học thêm thứ 7, hè T6+7+8				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	19.539.172	19.539.172	0	
2.1.2	Mức thu: Chia làm 2 mức, thu theo số buổi trẻ đi học thực tế				
	Trong đó: - Nhà trẻ:	35.000	35.000	0	
	- Mẫu giáo:	35.000	35.000	0	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	51.715.000	51.715.000	0	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	51.715.000	51.715.000	0	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	51.715.000	51.715.000	0	
2.1.6	Số chi trong năm	66.284.181	66.284.181	0	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học: (78%)	58.602.881	58.602.881	0	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo: (20%)	5.892.400	5.892.400	0	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước: (2%)	1.788.900	1.788.900	0	
2.1.7	Số dư cuối năm	4.969.991	4.969.991	0	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)				
4	Dịch vụ:				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.943.981	1.943.981	0	
4.1.2	Mức thu (theo số buổi thực tế học sinh đi học)	22.000	22.000	0	
	Trong đó:-Tiền ăn: 20.000			0	
	- Chắt dốt: 2.000			0	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	294.762.000	294.762.000	0	

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	294.762.000	294.762.000	0	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	294.762.000	294.762.000	0	
4.1.6	Số chi trong năm	205.670.381	205.670.381	0	
	Trong đó: - Chi mua thực phẩm, chất đốt để chế biến thức ăn cho học sinh	205.670.381	205.670.381	0	
4.1.7	Số dư cuối năm	91.035.600	91.035.600	0	
4.2.	Tiền mua sắm thiết bị phục vụ bán trú				
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	2.747.766	2.747.766	0	
4.3.2	Mức thu - cháu mới	320.000	320.000	0	
	- cháu cũ	200.000	200.000	0	
4.3.3	Tổng số thu trong năm	21.142.000	21.142.000	0	
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	21.142.000	21.142.000	0	
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	21.142.000	21.142.000	0	
4.3.6	Số chi trong năm	23.889.766	23.889.766	0	
	Trong đó: - Chi mua trực tiếp đồ dùng ăn ngủ cho học sinh phục vụ công tác bán trú	23.889.766	23.889.766	0	
4.2.7	Số dư cuối năm	0	0	0	
4.3.	Hỗ trợ cô nuôi (người nấu ăn)				
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.896.224	1.896.224	0	
4.3.2	Mức thu: theo số học sinh thực tế/ số cô nuôi thực tế mức thu từ 70.000đ)	70.000	70.000	0	
4.3.3	Tổng số thu trong năm	47.110.000	47.110.000	0	
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	47.110.000	47.110.000	0	
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	47.110.000	47.110.000	0	
4.1.6	Số chi trong năm	37.262.265	37.262.265	0	
	Trong đó: - Chi cho cô nuôi: (78%) trừ BH, KPCĐ sau khí đủ mức lương vùng	27.479.875	27.479.875	0	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo: (20%)	7.179.166	7.179.166	0	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước: (2%)	2.603.224	2.603.224	0	
4.1.7	Số dư cuối năm	11.743.959	11.743.959	0	
4.4.	Tiền trông trẻ ngoài giờ hành chính				
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	13.573.120	13.573.120	0	
4.4.2	Mức thu: thu theo số buổi trẻ đi học thực tế	10.000	10.000	0	
4.4.3	Tổng số thu trong năm	124.920.000	124.920.000	0	
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	124.920.000	124.920.000	0	
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	124.920.000	124.920.000	0	
4.4.6	Số chi trong năm	98.740.728	98.740.728	0	
	Trong đó: - Chi cho giáo viên trông trẻ: (78%)	70.195.008	70.195.008	0	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo: (20%)	25.245.720	25.245.720	0	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước: (2%)	3.300.000	3.300.000	0	
4.4.7	Số dư cuối năm	39.752.392	39.752.392	0	
5	Liên kết giáo dục:				
5.1	Học tiếng anh Phomic				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang			0	
5.1.2	Mức thu: thu theo số trẻ đăng ký			0	
5.1.3	Tổng số thu trong năm			0	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			0	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾			0	
5.1.6	Số chi trong năm			0	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng chi trả công ty hoặc cho người dạy			0	

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo:			0	
	- Chi khác:			0	
5.1.7	Số dư cuối năm	0	0	0	
6	Thu hộ, chi hộ:	0	0	0	
6.1	Bảo vệ	0	0	0	
6.1.1	Số học sinh	0	0	0	
6.1.2	Mức thu:	0	0	0	
6.1.3	Tổng thu	0	0	0	
6.1.4	Đã chi	0	0	0	
6.1.5	Dư	0	0	0	
6.2	Mua sắm đồ dùng học tập, đồ dùng nguyên học liệu cho trẻ				
6.2.1	Số học sinh	0	0	0	
6.2.2	Mức thu:				
	Nhà trẻ: 25 học sinh	0	0	0	
	3 tuổi: 40 học sinh	0	0	0	
	4 tuổi: 42 học sinh	0	0	0	
	5 tuổi: 66 học sinh	0	0	0	
6.2.3	Tổng thu	0	0	0	
6.2.4	Đã chi	0	0	0	
6.2.5	Dư	0	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	8.426.200	8.426.200		
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học thêm				
3	Học tiếng anh Phomic				

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
4	Trông trẻ ngoài giờ hành chính				
5	Hỗ trợ nấu ăn				
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
I	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.664.219.490	4.664.219.490	0	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.664.219.490	4.664.219.490	0	
	Chi thanh toán cá nhân	4.222.095.406	4.222.095.406	0	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	123.895.700	123.895.700	0	
	Chi mua sắm sửa chữa	144.420.000	144.420.000	0	
	Chi khác	173.808.384	173.808.384	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	553 392 250	553 392 250	0	
	Chi thanh toán cá nhân			0	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	138 242 250	138 242 250	0	
	Chi mua sắm sửa chữa	415 150 000	415 150 000	0	
	Chi khác			0	
II	Nguồn viện trợ				
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Toàn Thắng, ngày 03 tháng 02 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

M

Lê Thị Màu

